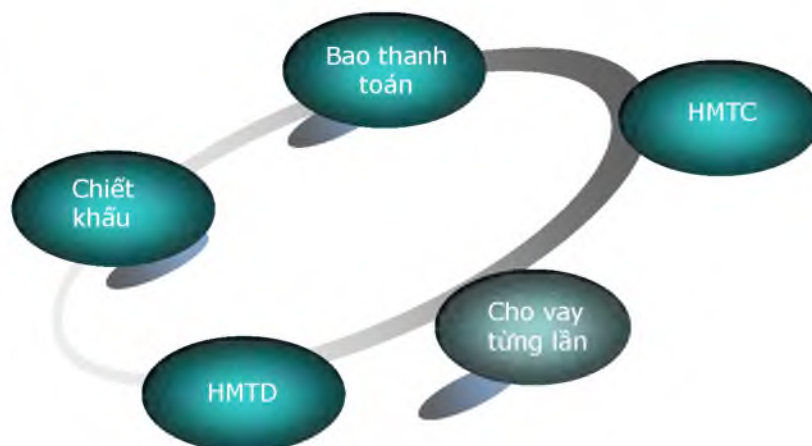


Các sản phẩm tín dụng & mối quan hệ với các nghiệp vụ ngân hàng khác

TS.Nguyễn Đức Trung

Cho vay ngắn hạn





Cho vay từng lần

- Là tiến trình cấp tín dụng dựa trên cơ sở nhu cầu tín dụng của từng đối tượng vay:
 - Cho vay theo từng lần mua hàng
 - Cho vay dự trữ các loại hàng tồn kho
 - Tài khoản các khoản phải thu.
- Việc xét duyệt cho vay dựa trên cơ sở hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, thanh toán tín dụng, các hoá đơn bán hàng, bảng kê bán thành phẩm, hoặc thành phẩm.



Đặc điểm

- Mỗi lần vay là phương án riêng
- Cho vay theo từng đối tượng vay cụ thể
- Định kỳ hạn nợ cho từng khoản vay
- Quản lý theo doanh số cho vay

Cho vay từng lần

Mức cho vay được xác định trên cơ sở:

- Nhu cầu vay vốn cho từng phương án
- Khả năng nguồn vốn của NH
- Giá trị của bảo đảm tín dụng.

$$\text{Nhu cầu vay} = \Sigma \text{Nhu cầu thực hiện phương án vay vốn} - \text{Vốn khác} - \text{Vốn tự có}$$

Một số vấn đề cơ bản về hạch toán

Tài sản Có		Tài sản nợ & VTC	
Tiền mặt		Vốn tiền gửi	
Đầu tư tài chính		Vốn đi vay	
Cho vay		Vốn khác	
Tài sản cố định		Vốn tự có	
Cho vay		Huy động	
N	C	N	C
Số dư đầu kỳ			Số dư đầu kỳ
Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng
Số dư cuối kỳ			Số dư cuối kỳ

Cho vay từng lần

Xác định thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được xác định cho mỗi lần vay cụ thể.

- NH xác định thời hạn cho vay dựa vào:
 - Dự báo lưu chuyển tiền tệ,
 - Chu kỳ ngân quỹ
 - Hàng rủi ro tín dụng của KH
- Xác định thời hạn cho vay theo chu kỳ ngân

Tình huống cho vay từng lần

T9/05, cty ABC gửi BIDV hồ sơ. NH thống nhất với DN:

Giá trị TSTC = 6400 triệu đ

Tổng chi phí PAKD là 12.185 triệu đ

Trong đó:

- Chi phí vật tư: 7230 triệu đ
- Lương CBNV: 2980 triệu đ
- Khấu hao TSCĐ: 1205 triệu đ
- Các chi phí khác: 770 triệu đ

Biết rằng

- VLĐ tự có = 4120 triệu đ
- Vay từ ICB = 3010 triệu đ
- BIDV cho vay tối đa 70% giá trị TSTC

Tình huống cho vay từng lần

- Trong t12, DN phát sinh các nghiệp vụ sau:
 - Ngày 3/12: kế ước 15/9 đến hạn, số tiền 242 triệu đ (trên TK TG công ty có đủ tiền để trả nợ)
 - 11/12: Vay mua vật tư 480 triệu đ
 - Vay chi thưởng cho công nhân: 78 triệu đ
 - Vay thanh toán tiền điện cho SXKD 52 triệu đ
 - 17/12: Vay nộp thuế xuất khẩu 35 triệu đ
 - Vay thanh toán tiền lương cho công nhân: 235 triệu đ
 - Vay tổ chức tham quan: 36 triệu đ
 - 25/12: vay trả nợ VCB 370 triệu đ
 - Vay mua vật tư: 150 triệu đ
 - Đến cuối ngày 30/11,
 - Cty đã nhận tiền vay để thực hiện PAKD số tiền 3043 triệu đ,

Cho vay HMTD

- Cam kết cho Khách hàng sử dụng một số dư tối đa trong một khoảng thời gian xác định



Đặc điểm cho vay hạn mức tín dụng

○ Khách hàng:

- Hoạt động kinh doanh ổn định
 - Lập đ- ợc kế hoạch sản xuất kinh doanh cho từng kỳ;
 - Có nhu cầu vay và trả nợ NH th- ờng xuyên;
 - Truyền thống, có tín nhiệm với NH.
- Quản lý tín dụng: theo d- nợ
 - Định kỳ hạn nợ: không cụ thể
 - Ph- ơng pháp rút số d-

Xác định hạn mức tín dụng

$$\text{Hạn mức tín dụng} = \Sigma \text{Nhu cầu VLĐ kỳ kế hoạch} - \text{Vốn khác} - \text{Vốn tự có}$$

$$\text{Nhu cầu VLĐ kỳ kế hoạch} = \frac{\Sigma \text{chi phí} - \text{khấu hao}}{V_{VLĐ}}$$

$$V_{VLĐ} = \frac{DTT}{TSLĐbq}$$

Vốn lưu động tự có

- VLĐ ròng . (1)
- Kế hoạch đầu t- vào TSLĐ năm nay, dự tính Vốn tự có là bao nhiêu % ? (2)
- Kế hoạch tăng VTC của khách hàng?



Vốn khác

Xem xét mối quan hệ của KH với bạn hàng.

- Tính toán tỷ lệ Vốn chiếm dụng của bên thứ 3/Tổng nguồn vốn -> rút ra tỷ lệ bình quân KH có khả năng chiếm dụng để phục vụ cho hoạt động SXKD



Tình huống 2: hãy tính HMTD của DG

T9/05, cty Đức Giang gửi đến ICB kế hoạch vay VLĐ quý 4

- Giá trị vật tư hàng hóa trong quý: 14.895,5 triệu đ
- Chi phí SXKD khác: 655 triệu đ
- DTT Q4: 13.233,5 triệu đ
 - TSLĐ_{ĐK} = 3720 triệu đ, hàng kém phẩm chất chiếm 15%
 - TSLĐ_{CK} = 4650 triệu đ, trong đó VL XDCB = 250 triệu đ
- VLĐ_{TC} = 2730 triệu đ
- Giá trị TSTC = 2812 triệu đ
- Khả năng nguồn vốn NH đủ cho vay phương án trên

Tình huống 2 HMTD = 1713 triệu đ

Số dư TK cho vay của DN ngày 30/9/06: 860 triệu đ

Từ 1/10/06 đến 26/12/06 trên TK cho vay theo HMTD

Doanh số phát sinh nợ: 4500 triệu đ

- Doanh số phát sinh có: 3820 triệu đ
- Trong 5 ngày cuối quý phát sinh một số nghiệp vụ sau:
 - 27/12: vay mua vật tư 450 triệu đ
 - Thu tiền nhận gia công: 70 triệu đ
 - 28/12: Vay TT SCTX MMTB: 38 triệu đ
 - Thu tiền bán hàng 458 triệu đ
 - 30/12: Vay mua VLXD công trình mở rộng SX: 65 triệu đ
 - 31/12: Vay vật tư 160 triệu đ
 - Vay thanh toán tiền vận chuyển MMTB: 20 triệu đ

Tình huống 3:

$$\text{Hạn mức tín dụng} = \Sigma \text{Nhu cầu VLĐ kỳ kế hoạch} - \text{Vốn khác} - \text{Vốn tự có}$$

- 15/6, dệt HN gửi đến ICB kế hoạch vay, NH nhất trí về chỉ tiêu kế hoạch quý III:
 - $V_{VLĐ} = 3$ vòng
 - $TSLĐ_{bq} = 5200$ triệu đ
 - Thời hạn trả nợ kế hoạch (số ngày của 1 V_{TD}) = 28 ngày
 - $DS \text{ trả nợ KH} = 90\%$ giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện
- **Yêu cầu:** xác định HMTD

Tính HMTD dựa vào V_{TD}

$$\begin{aligned} \text{Vòng quay Tín dụng} &= \frac{\text{Doanh số trả nợ kỳ KH}}{\text{Dư nợ BQ}} \\ \text{Vòng quay Tín dụng} &= \frac{\text{Doanh số trả nợ kỳ KH}}{\text{HMTD}} \end{aligned}$$

$$\text{HMTD} = \text{Doanh số trả nợ kỳ KH} / V_{TD}$$

Quy trình của BIDV

- Xác định doanh thu dự kiến
- Xác định LN & KH dự kiến
- Xác định chi phí SX cần thiết
- Xác định $V_{VLĐ}$
- Xác định vốn khác
- Xác định VLĐR
- Tính HMTD



Công thức tính áp dụng tại BIDV

$$\text{Chi phí sản xuất cần thiết} = \text{Tổng doanh thu dự kiến} - \text{Khấu hao cơ bản} - \text{Lợi nhuận dự kiến}$$



$$\text{Hạn mức tín dụng cần thiết} = \frac{\text{Chi phí sản xuất cần thiết}}{V_{VLĐ}} - \text{Vốn lưu động tự có} - \text{Vốn khác}$$

Tình huống xác định HMTD Viprosimex 2008

Biết rằng:

Khấu hao dự tính là: 5021 triệu đồng

Công ty có kế hoạch xin cấp hạn mức tại các ngân hàng khác năm 2008 như sau:

- VCB: 250 tỷ đồng
- Vietinbank: 80 tỷ đồng
- ACB: 40 tỷ đồng

Theo giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 15 ngày 10/01/2008, cty có tăng thêm vốn điều lệ lên 272.147 triệu đ



Công thức tính áp dụng tại BIDV

$$\text{Chi phí sản xuất cần thiết} = \text{Tổng doanh thu dự kiến} - \text{Khấu hao cơ bản} - \text{Lợi nhuận dự kiến}$$

$$\text{Hạn mức tín dụng cần thiết} = \frac{\text{Chi phí sản xuất cần thiết}}{V_{\text{vld}}} - \text{Vốn lưu động tự có} - \text{Vốn khác}$$



Các thông số cần thiết của Viprosimex

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu dự kiến	
2	Lợi nhuận dự kiến	
3	Khấu hao TSCĐ	
4	Vốn huy động khác	
5	Vốn LĐ tự có	
6	V_{vld}	



Vốn lưu động tự có

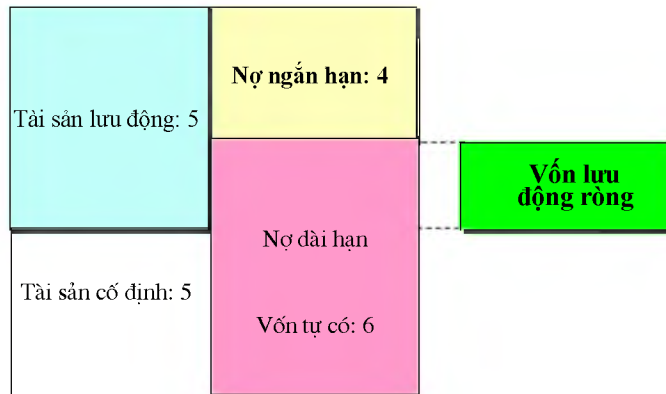
- VLĐ ròng
- Kế hoạch đầu t- vào TSLĐ năm nay, dự tính VTC là bao nhiêu % ?
- Kế hoạch tăng VTC của KH?

Vốn lưu động khác

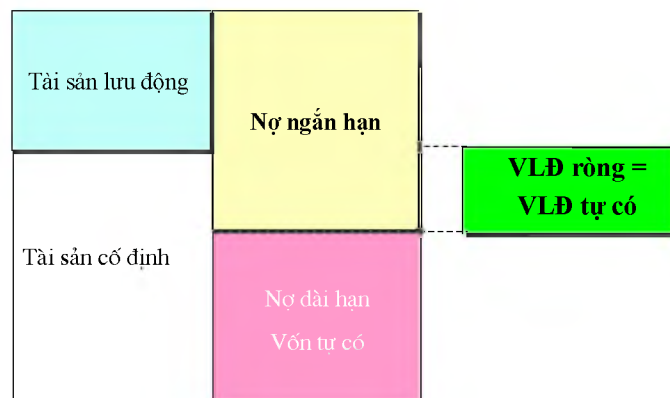
- Xem xét mối quan hệ của KH với bạn hàng.

$$\text{Tỷ lệ BQ KH có khả năng chiếm dụng} = \frac{\text{Vốn chiếm dụng}}{\text{Tổng DT}}$$

Net working capital



Net working capital



Vốn lưu động tự có

VLD_{TC} được tính theo số liệu tại thời điểm 31/12/1007

$$\begin{aligned} VLD_{TC} &= VCSH + \text{Nợ dài hạn} - TSC\&\grave{D}TDH \\ &= TSL\&\grave{D} - \text{Nợ Ngắn hạn} \end{aligned}$$

Công thức tính áp dụng tại BIDV

$$\text{Chi phí sản xuất cần thiết} = \text{Tổng doanh thu dự kiến} - \text{Khấu hao cơ bản} - \text{Lợi nhuận dự kiến}$$

$$\text{Hạn mức tín dụng cần thiết} = \frac{\text{Chi phí sản xuất cần thiết}}{V_{vld}} - \text{Vốn lưu động tự có} - \text{Vốn khác}$$

HMTD thực tế được cấp

C.ty có kế hoạch xin cấp HMTD tại các NH khác năm 2008 là 370 tỷ đ

- VCB: 250 tỷ đ
- Vietinbank Chương Dương: 80 tỷ đ
- NHTMCP Đông Á: 40 tỷ đ
- VLĐ thiếu hụt sau khi được các NH khá tài trợ:



Phân biệt cho vay từng lần & cho vay theo HMTD

Cho vay từng lần

- CV trên từng đ.tượng vay cụ thể
- Định kỳ hạn trả nợ cụ thể
- Mỗi lần vay cần PA riêng
- Quản lý theo doanh số CV
- KH mới, không có thu chi thường xuyên

Cho vay theo HMTD

- Cho vay trên toàn bộ nhu cầu vay kỳ KH
- Ko định kỳ hạn nợ cụ thể
- 01 phương án vay cho một kỳ kế hoạch
- Quản lý theo dư nợ cho vay
- KH truyền thống, có thu chi thường xuyên

Thấu chi

Credit line(HMTD) >< Overdraft(HMTC)

Khái niệm: là ph- ơng thức tài trợ ngắn hạn trong đó NH cho phép KH đ- ợc rút tiền v- ượt quá số d- trên tài khoản vãng lai trong phạm vi số tiền và thời hạn nhất định.

30

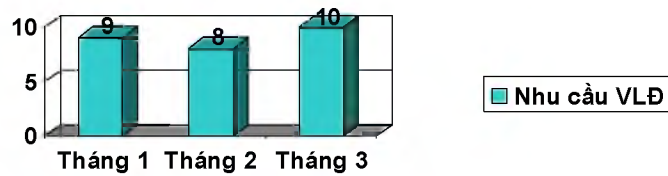
2

Đặc điểm thấu chi

- Đối tượng khách hàng
- Giải ngân theo TK vãng lai
- Quản lý sau cho vay
- Phương pháp tính toán HM



Tình huống



Vốn tự có 5 tỷ đồng
Vòng quay = 3 vòng

- $HMTD = (9+8+10)/3 - 5 = 4$ tỷ đồng
- $HMTC = 10 - 5 = 5$ tỷ đồng

Phương pháp tính toán

$$VLĐR = TSLĐ - \text{Nợ ngắn hạn}$$

$$VLĐR = VTC + \text{Nợ dài hạn} - TSCĐ$$

$$\text{Nhu cầu vay vốn hợp lý} = \text{Tổng nhu cầu tài trợ TSLĐ} - \text{Vốn khác} - \text{Vốn lưu động ròng}$$

$$\text{MCV MAX theo q.định NH} = \text{Tổng nhu cầu tài trợ TSLĐ} - \text{Vốn khác} - \text{VTCmin theo y.cầu NH}$$

$$\text{VTCmin theo y.cầu của NH} = \text{tỷ lệ\%} \times \text{TSLĐ}$$

Tình huống thấu chi

Tài sản	ST	Nguồn vốn	ST
1.Tiền	650	1.Vay ngắn hạn	3050
2.Phải thu	2300	2.Phải trả người bán	1720
3.Hàng tồn kho	3200	3.Phải trả khác	510
4.TSLĐ khác	280	4.Nợ dài hạn	3950
5.TS cố định	6600	5.Vốn tự có	3800
Tổng tài sản		Tổng nguồn vốn	

Tình huống thấu chi

Tài sản	ST	Nguồn vốn	ST
1.Tiền	650	1.Vay ngắn hạn	2359.53
2.Phải thu	2142.86	2.Phải trả người bán	1720
3.Hàng tồn kho	2666.67	3.Phải trả khác	510
4.TSLĐ khác	280	4.Nợ dài hạn	3950
5.TS cố định	6600	5.Vốn tự có	3800
Tổng tài sản	12339.53	Tổng nguồn vốn	12339.53

Tình huống thấu chi

Tài sản	ST	Nguồn vốn	ST
1.Tiền	650	1.Vay ngắn hạn	639.76
2.Phải thu	2142.86	2.Phải trả người bán	1720
3.Hàng tồn kho	2666.67	3.Phải trả khác	510
4.TSLĐ khác	280	4.Nợ dài hạn	3950
5.TS cố định	6600	5.Vốn tự có	3800
Tổng tài sản	12339.53	Tổng nguồn vốn	10619.76

Tình huống thấu chi (tiếp theo)

Yêu cầu

- Kiểm tra tính hợp lý của phương án
- Xác định HM thấu chi
- Biết rằng
 - $V_{HTK}=8$; $V_{PT} = 16$
 - $DTT_{05} = 1470$ tỷ đ
 - $GVHB = 75\% \times DTT$
 - CSCV của NH quy định: VLĐR tối thiểu là 20% trên TSLĐ

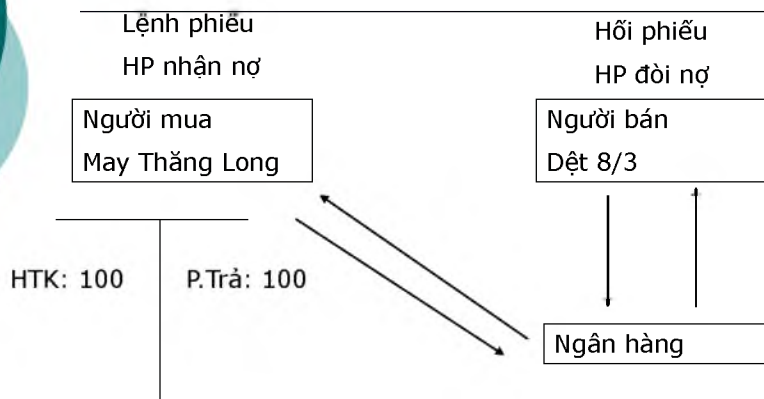


Chiết khấu thương phiếu

- **Khái niệm:** là việc tổ chức tín dụng mua lại giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán của KH



Tín dụng gián tiếp





Kỹ thuật nghiệp vụ chiết khấu

- Bước 1: Lập hồ sơ:
 - Đơn đề nghị chiết khấu
 - Bảng kê các hối phiếu xin chiết khấu
 - Các hối phiếu bản gốc
- Liệu có cần:
 - Hồ sơ pháp lý
 - Báo cáo tài chính
 - Phương án vay vốn
 - Tài sản bảo đảm



Bước 2: Thẩm định hồ sơ chiết khấu

- Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của khách hàng
- Chưa đến hạn thanh toán ($\text{min} < t \leq 90$ ngày)
- Được phép giao dịch
- Được thanh toán theo quy định của TC phát hành

Bước 3: Tính toán chiết khấu

- $V = M - E - H$
 - $E = M \times i \times t/360$
 - $H = H1 + H2$
 - $H1 = M \times h1 \times t/360$



Bước 4: Giải ngân

- Chuyển tiền thẳng vào TK thanh toán của KH
- Vấn đề quản lý tín dụng



Bước 5: Lưu giữ và bảo quản giấy tờ có giá

- Thực hiện giống bảo quản tiền
- Lưu giữ trên cơ sở mở sổ theo dõi:
 - Sắp xếp theo thời gian còn lại
 - Ngăn trước, dài sau đảm bảo thuận tiện trong việc đòi tiền



Bước 6: Thu nợ

- Đến hạn thanh toán, NH sẽ tiến hành thu nợ ở người thụ lệnh
- Việc thu nợ thực hiện như sau:
 - NH báo cho người thụ lệnh để trả tiền
 - Gửi hồi phiếu đến chi nhánh hoặc NH ủy quyền để nhờ thu hộ
- Vấn đề quyền truy đòi!!!

Tình huống chiết khấu

Đơn vị: triệu đồng

Hứng từ	Số tiền	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
HP đòi nợ 03	60	30/4/05	30/7/05
HP nhận nợ 01	30	30/4/05	15/7/05
HP đòi nợ 05	15	15/4/05	14/8/05
HP nhận nợ 02	50	20/4/05	20/7/05
HP đòi nợ 06	36	20/3/05	30/6/05
HP nhận nợ 03	40	1/6/05	1/10/05

Yêu cầu:

- Hãy quyết định việc CK
- Tính toán CK với những chứng từ NH nhận CK

Biết rằng

- 13/6/05, DN gửi đến NH xin CK
- NH chỉ nhận CK có thời hạn từ 20 đến 90 ngày
- LSCK: 9%/năm, hoa hồng ký hậu: 0.6%, min = 20.000 đ, h2 = 15.000 đ
- HMCK = 150 triệu đ; dư nợ TK của KH là 60 tr đ
- NH chấp nhận CK 15/6/05

Nghịệp vụ Bao thanh toán

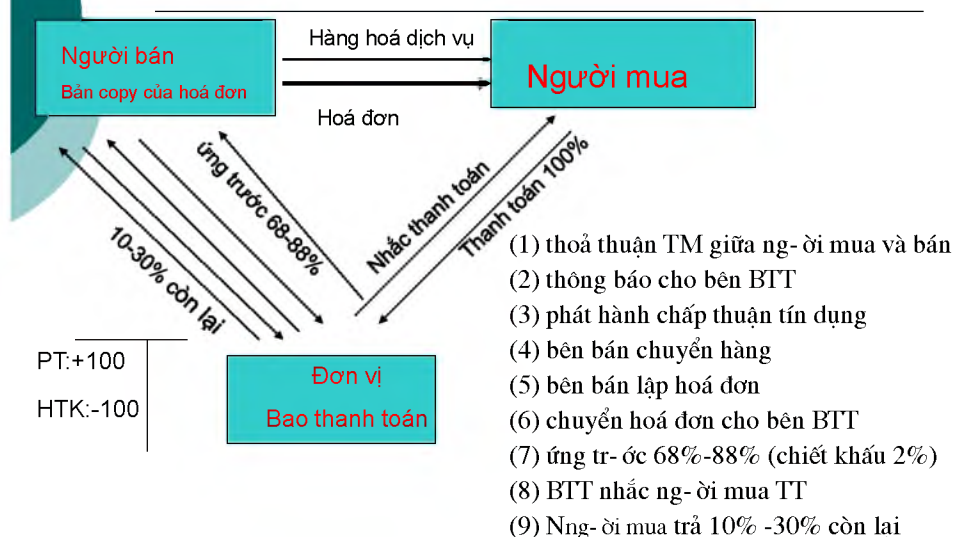
1. IFC: Là thỏa thuận tiếp theo giữa bên bao thanh toán và ng-ời bán liên quan đến tài khoản phải thu phát sinh từ việc bán những hàng hoá:

- Mua lại các khoản phải thu và ứng tr-ớc tiền mặt
- Ghi sổ liên quan đến phải thu
- Thu nợ
- Dự tính tổn thất tín dụng

2. Khái niệm theo QĐ 1096/2004/NHNN

- BTT là một hình thức cấp TD của TCTD cho bên bán hàng thông qua việc mua lại các khoản phải thu phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá đã được bên bán và bên mua thỏa thuận trong hợp đồng mua hàng

Bao thanh toán trong nước



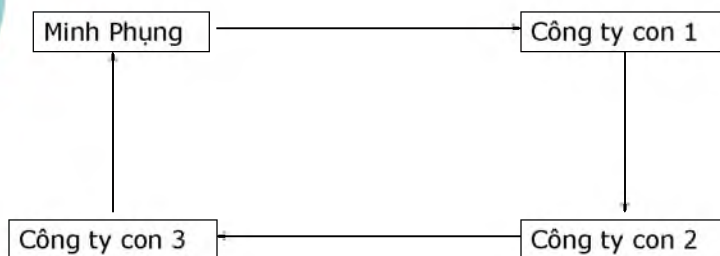
Điều 13. Quy trình hoạt động bao thanh toán

- Bên bán hàng đề nghị đơn vị BTT thực hiện BTT các khoản phải thu;
- Đơn vị BTT thực hiện phân tích các khoản phải thu, tình hình hoạt động và khả năng tài chính của bên bán hàng & bên mua hàng;
- Đơn vị BTT và bên bán hàng thoả thuận và ký kết hợp đồng BTT
- BTT & bên bán đồng ký gửi văn bản thông báo về hợp đồng BTT cho bên mua & các bên liên quan, trong đó nêu rõ việc bên bán chuyển giao quyền đòi nợ cho đơn vị BTT & hướng dẫn bên mua thanh toán trực tiếp cho BTT.
- Bên mua hàng gửi văn bản cho bên bán hàng và đơn vị BTT xác nhận đã nhận được thông báo & cam kết về việc thực hiện thanh toán cho đơn vị BTT
- Bên bán hàng chuyển giao bản gốc hợp đồng mua, bán hàng, chứng từ bán hàng các chứng từ khác liên quan đến các khoản phải thu cho đơn vị BTT;
- Đơn vị BTT chuyển tiền ứng trước cho bên bán;
- Đơn vị BTT theo dõi, thu nợ từ bên mua hàng
- Đơn vị BTT tất toán tiền với bên bán hàng theo quy định trong hợp đồng BTT;
- Giải quyết các vấn đề tồn tại phát sinh khác.

Phân biệt chiết khấu và bao thanh toán

Tiêu thức	Chiết khấu	Bao thanh toán
Phương thức thực hiện	Thực hiện trên cơ sở mua lại các giấy tờ có giá	Thực hiện trên cơ sở mua lại các khoản phải thu, t-ong đ-ong với việc chiết khấu hối phiếu đòi nợ
KH	KH vay là ng-ời thụ h-ởng tức là ng-ời bán hoặc là ng-ời thứ 3	KH vay là ng-ời bán hàng
Số tiền cho vay	Số tiền NH cho vay là ST mệnh giá trừ đi lãi chiết khấu&hoa hồng phí	Số tiền NH cho vay là số tiền ứng tr-ớc trên giá trị hoá đơn
Giai đoạn thu nợ	Nếu đến hạn ng-ời mua không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, NH có quyền truy đòi từ ng-ời ký phát, từ ng-ời bảo lãnh hối phiếu và ng-ời chuyển nh-ợng tr-ớc đó	Nếu đến hạn ng-ời mua không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng chịu rủi ro hoàn toàn trừ có sự thoả thuận khác
Thời điểm phát sinh	Hoạt động TD phát sinh sau quan hệ tín dụng th-ong mại	Hoạt động TD phát sinh có thể tr-ớc hoặc sau TDTM.

Tình huống Minh Phụng



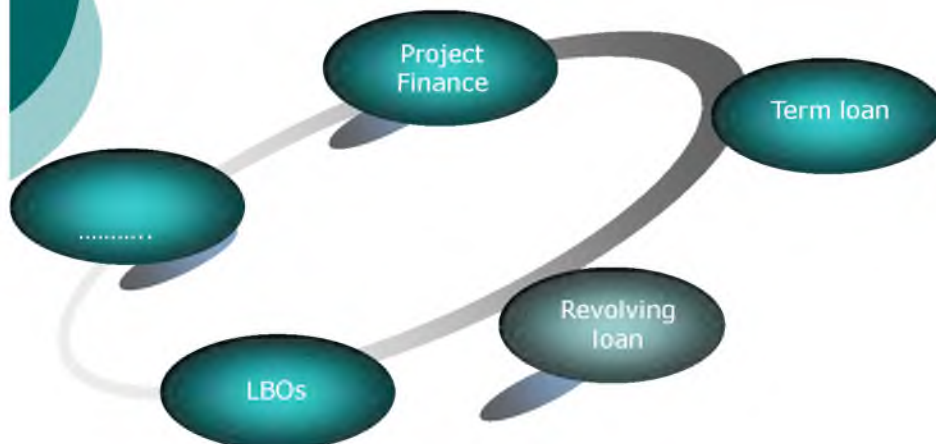
Cho vay trung dài hạn

Khái niệm: tài trợ nhu cầu
thiếu hụt vốn của DN có
thời hạn trên 12 tháng

- Đặc điểm:
 - Thời gian
 - Lãi suất
 - Rủi ro
 - Đối tượng vay



Cho vay trung dài hạn



Cho vay trung dài hạn

- Với doanh nghiệp
 - Cho vay tài trợ dự án
 - LBOs
 - Tín dụng tuần hoàn
 - Cho vay đồng tài trợ
- Với cá nhân:
 - Cho vay trả góp



Cho vay tài trợ các dự án

- Tài trợ cho việc đầu t- mua sắm TSCĐ & xây dựng các công trình đ- ợc dự tính sẽ mang lại thu nhập trong t- ơng lai.
- KH yêu cầu đ- ợc vay một khoản trọn gói dựa trên chi phí dự tính của dự án đã đề xuất và cam kết thanh toán khoản vay làm nhiều lần.

Xác định mức cho vay

👤 Nhu cầu vay hợp lý = Tổng dự toán – VTC – Vốn khác

👤 Khả năng nguồn vốn của ngân hàng:

+ Quyết định đến khả năng thanh toán chi trả của NH.

+ Căn cứ vào cân đối vốn kế hoạch & thực tế.

👤 Giới hạn cho vay tối đa:

+ Theo VTC của ngân hàng.

+ Theo VTC của khách hàng.

+ Theo giá trị tài sản bảo đảm.

<i>Tài sản</i>	<i>Nguồn vốn</i>
DT: 300	VHĐ: 2000
CV: 1800	>12T: 1000
Ngắn: 450	<12T: 1000
Dài: 1350	VTC: 500
Khác: 400	

Xác định nguồn trả nợ

- Phần tăng thêm trong VCSH của KH tạo ra từ LNST

- Nguồn khấu hao.

- Nguồn khác



Xác định thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ

- Khoản vay phát huy ngay hiệu quả sau khi số tiền vay được phát ra: thời hạn cho vay chính là thời hạn thu hồi nợ.
- Khoản vay phải trả qua một thời gian mới phát huy hiệu quả có khả năng trả nợ:

$\text{Thời hạn cho vay} = \text{Thời hạn ân hạn} + \text{Thời hạn thu hồi nợ}$

Thời gian thu nợ

$$\text{Thời gian thu nợ} = \frac{\text{Mức cho vay}}{\text{Lợi nhuận} + \text{Khấu hao} + \text{thu khác}}$$

$$\text{Thời gian cho vay} = \text{thời gian ân hạn} + \text{thời gian thu nợ}$$

Tình huống cho vay trung dài hạn

Quý III/04, Nhựa Tiền Phong gửi đến ICB hồ sơ dự án. NH nhất trí:

C.phí XDCB: 1600 triệu đ; C.phí XDCB khác: 350 triệu đ

Tiền mua thiết bị: 1980 triệu đ;

- C.phí vận chuyển thiết bị: 15 triệu đ
- Vốn tự có tham gia: 32%; Tỷ lệ khấu hao: 15%/năm
- LN hàng năm trước khi đầu tư: 1350 triệu đ; sau khi đầu tư, LN tăng thêm 24% so với trước đầu tư
- Các nguồn khác thực hiện dự án: 159 triệu đ

Biết rằng:

- Toàn bộ LN tăng thêm được dùng để trả nợ NH
- Nguồn khác dùng để trả nợ là 138,66 triệu đ
- Giá trị TSTC: 4560 triệu đ
- Khởi công dự án ngày 1/1/05 và hoàn thành sử dụng 1/7/05

Tình huống cho vay trung dài hạn

Yêu cầu:

- Xác định MCV và thời hạn cho vay với dự án





TỔNG QUAN MỐI QUAN HỆ GIỮA NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG & NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG KHÁC

- Với nghiệp vụ huy động vốn
- Với nghiệp vụ thanh toán quốc tế
- Với nghiệp vụ phái sinh (option, future, forward và swap) – vấn đề phòng ngừa và hạn chế RRTD
- Với vấn đề chứng khoán hóa
- Với rủi ro tác nghiệp và rủi ro thanh khoản